

UBND THÀNH PHỐ NHA TRANG
HỘI ĐỒNG BT, HT & TĐC

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

**PHƯƠNG ÁN BỒI THƯỜNG, HỖ TRỢ, TÁI ĐỊNH CƯ
ĐỐI VỚI HỘ ÔNG NGUYỄN HỒ (CHẾT) VÀ PHAN THỊ YẾT (CHẾT)
– BÀ NGUYỄN THỊ KHANH (ĐẠI DIỆN KÊ KHAI)
DỰ ÁN: MÔI TRƯỜNG BỀN VỮNG CÁC THÀNH PHỐ DUYN HẢI –
TIỂU DỰ ÁN NHA TRANG**

ĐỊA BÀN: PHƯỜNG VẠN THẮNG, TP NHA TRANG

(Kèm Quyết định số: 3221 /QĐ-UBND ngày 11 tháng 11 năm 2022 của UBND thành phố Nha Trang)



BẢNG TỔNG HỢP
DỰ ÁN: MÔI TRƯỜNG BỀN VỮNG CÁC THÀNH PHỐ DUYÊN HẢI - TIÊU DỰ ÁN NHA TRANG
Hạng mục: Xây dựng Kè và Đường Nam sông Cái Nha Trang

STT	Đối tượng thu bồi đất	Địa chỉ thường trú	Địa chỉ giải tỏa	THỬA	TỜ BDTĐ	Tổng DT	DIỆN TÍCH ĐẤT THU HỒI (m ²)			SỐ TIỀN BỒI THƯỜNG, HỖ TRỢ (đồng)					Khen thưởng (đồng)	
							Tổng DT thu hồi	Đất ở	Đất nông nghiệp	Đất khác	Tổng số tiền BT, HT	BT, HT về đất	BT, HT về tài sản	BT, HT về cây trồng		Hỗ trợ khác
1	Ông Nguyễn Hồ (chết) Bà Phan Thị Yết (chết) Bà Nguyễn Thị Khanh đại diện đứng kê khai	131/124 Đường 2/4, phường Vạn Thắng, TP Nha Trang	131/124 Đường 2/4, phường Vạn Thắng, Nha Trang.	48/8	62-2022	334,30	183,40		183,40		813.918.978	121.044.000	692.874.978	0	0	11.000.000
				47/8	62-2022	352,30	246,40		246,40		356.266.709	162.624.000	177.892.709	15.750.000	0	0
				09/8	62-2022	536,90	536,90		447,18	89,72	552.403.437	295.138.800	245.900.637	11.364.000	0	0
Tổng				03		1.223,50	966,70	0,00	876,98	89,72	1.722.589.124	578.806.800	1.116.668.324	27.114.000	0	11.000.000

1/ Số trường hợp bị giải tỏa:

2/ Kinh phí bồi thường, hỗ trợ:

- Bồi thường, hỗ trợ về đất:
- Bồi thường, hỗ trợ về tài sản, công trình, vật kiến trúc trên đất:
- Bồi thường về cây trồng:
- Bồi thường về chi phí di chuyển:
- Hỗ trợ khác:

3/ Kinh phí tổ chức thực hiện (2% tổng kinh phí bồi thường hỗ trợ) chi cho các đơn vị có liên quan thực hiện công tác bồi thường giải phóng mặt bằng:

- Trích cho phòng Tài nguyên và Môi trường (5% kinh phí tổ chức thực hiện):
- Trích cho UBND phường Vạn Thắng (3% kinh phí tổ chức thực hiện):
- Trích chi khen thưởng cho tổ chức, cá nhân tham gia tốt công tác bồi thường, giải phóng mặt bằng (1% kinh phí tổ chức thực hiện):
- Trích cho sở Tài nguyên và Môi trường (1% kinh phí tổ chức thực hiện):

4/ Kinh phí khen thưởng:

5/ Tổng kinh phí bồi thường, hỗ trợ, khen thưởng và tổ chức thực hiện:

(Bảng chữ: Một tỷ, bảy trăm sáu mươi tám triệu, không trăm bốn mươi một nghìn đồng)

01 trường hợp/03 thửa


1.722.589.124	đồng
578.806.800	đồng
1.116.668.324	đồng
27.114.000	đồng
0	đồng
0	đồng
34.451.782	đồng
1.722.589	đồng
1.033.553	đồng
344.518	đồng
344.518	đồng
11.000.000	đồng
1.768.041.000	đồng

Khánh Hòa, ngày 18 tháng 10 năm 2022

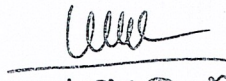
TRUNG TÂM PHÁT TRIỂN QUỸ ĐẤT KH
KT. GIÁM ĐỐC
TRUNG PHÓ GIÁM ĐỐC

PHÁT TRIỂN QUỸ ĐẤT
 Nguyễn Minh Tuấn

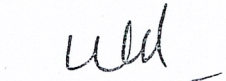
Người lập


 Trần Phương Hà

Người soát


 Lê Thị Thu Nguyễn

Phụ trách phòng


 Hà Văn Hùng

Ban QLDA Phát Triển KH

BAN NHÂN DÂN (Chủ đầu tư)
GIÁM ĐỐC
BAN QUẢN LÝ
DỰ ÁN PHÁT TRIỂN
TỈNH KHÁNH HÒA
 Hồ Tấn Quang

STT	HỌ TÊN VÀ ĐỊA CHỈ (Nơi ở và nơi giải tòa)	GIẤY TỜ NGUỒN GỐC NHÀ ĐẤT	NỘI DUNG BỒI THƯỜNG, HỖ TRỢ	Đơn vị tính	Khối lượng BT, HT	Đơn giá (đồng)	Mức BT (%)	Mức HT (%)	THÀNH TIỀN (đồng)	TỔNG TIỀN (đồng)	KÝ NHẬN	
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	
		<p>Tình hình tranh chấp đất đai: Tại nơi nhận xác nhận nguồn gốc đất không có tranh chấp, khiếu nại.</p> <p>*Trường hợp diện tích đất thể hiện trên giấy tờ về quyền sử dụng đất có sự chênh lệch so với diện tích đất thực tế đang sử dụng:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Diện tích đất theo giấy tờ: 386,7m² (Theo sơ đồ năm 2002). - Diện tích đất thực tế đang sử dụng: 334,3m². - Diện tích đất chênh lệch giảm: 52,4 m² - Nguyên nhân giảm: Do sai số đo đạc. <p>*Trường hợp địa chỉ thửa đất, nhà, vật kiến trúc xây dựng trên đất thực tế đang sử dụng khác với địa chỉ thể hiện trên giấy tờ:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Địa chỉ thửa đất theo giấy tờ: Số 131/124 đường 2/4, phường Vạn Thắng, thành phố Nha Trang. - Địa chỉ thửa đất thực tế đang sử dụng: Số 131/124 đường 2/4, phường Vạn Thắng, thành phố Nha Trang. (Hai địa chỉ nêu trên thực tế là cùng một thửa đất). <p>*Các loại giấy tờ, tài liệu, người làm chứng làm căn cứ xác nhận các nội dung trên:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Tờ bán đất của ông, bà Phan Quý sang nhượng cho vợ chồng ông Nguyễn Hồ năm 1957. - Quyết định số 728/UB-XD ngày 06/4/1988 của UBND TP Nha Trang V/v cấp giấy phép sửa chữa nhà cửa cho ông Nguyễn Hồ và bà Phan Thị Yết. - Giấy phân chia vườn cây ăn quả của ông Nguyễn Hồ và bà Phan Thị Yết cho các con có xác nhận của UBND phường Vạn Thắng ngày 14/01/1992. - Sơ đồ vị trí khu đất của ông Nguyễn Hồ lập phân chia cho các con, được UBND phường Vạn Thắng xác nhận ngày 10/4/2002. - Biên bản xác định độ rộng hẻm ngày 09/6/2022 (thửa đất tiếp giáp đường rộng dưới 2,0m (ngõ hẻm đường 2/4) - tương ứng vị trí 5 đường 2/4) - Biên bản hợp HĐBT ngày 08/8/2022 (STT 04) - Thông báo số 194/TB-HĐBT ngày 30/8/2022 của Hội đồng BT, HT, TĐC - Biên bản niêm yết ngày 05/9/2022 - Biên bản kết thúc niêm yết ngày 26/9/2022 	<p>+ Ôp men tường nhà. (25,0m x 1,9m) = 47,50m²</p> <p><i>Áp giá PL2, STT A33, đơn giá 309.524đ/m²</i></p> <p>- Nhà 1 tầng, tường xây gạch 100-200, bô trụ, mái tole, trần thạch cao, nền gạch men, cửa gỗ kính, nhà xây trên cốp nền ≥ 0,6; có hệ thống điện nước, hệ vệ sinh hoàn chỉnh.</p> <p>DTXD: 74,85m²XD; DTGT: 58,58m²XD; DTCL: 16,27m²XD (kèm sơ họa - kích thước do Trung tâm Phát Triển Quý Đất Khánh Hòa lập ngày 14/10/2022)</p> <p><i>Căn cứ Điểm 5, Khoản 2, Điều 1 QĐ 04/2022/QĐ-UBND ngày 09/3/2022 của UBND tỉnh Khánh Hòa - hỗ trợ toàn bộ nhà với diện tích 74,85m² vì công trình bị giải tỏa từ hai phần ba (2/3) diện tích xây dựng trở lên mà phần còn lại 16,27m² có diện tích xây dựng nhỏ hơn 36m²</i></p> <p><i>Áp giá PL1, STT A5, ĐG: 3.266.890đ/m²XD. Đơn giá điều chỉnh với hệ số 1,13 vì tường sơn nước. Cộng 250.442đ/m²XD vì nền gạch men.</i></p> <p><i>3.266.890đ/m²XD x 1,13 + 250.442đ/m²XD = 3.942.028đ/m²XD</i></p> <p>+ Ôp men tường nhà. 4,4m x 1,2m = 5,28m²</p> <p><i>Áp giá PL2, STT A33, đơn giá 309.524đ/m²</i></p> <p>+ Ôp đá granit mặt bếp. (2,7m x 0,5m) + (4,6m x 0,8m) = 5,03m²</p> <p><i>Áp giá PL2, STT A34, đơn giá 1.751.793đ/m²</i></p> <p>+ Ôp men bếp. 2,7m x 0,8m = 2,16m²</p> <p><i>Áp giá PL2, STT A33, đơn giá 309.524đ/m²</i></p> <p>+ Mái che cột kèo gỗ + sắt, mái tole, nền xi măng. DT: 49,68m²; DTGT: 47,23 m²; DTCL: 2,45m² (kèm sơ họa - kích thước do Trung tâm Phát Triển Quý Đất Khánh Hòa lập ngày 14/10/2022)</p> <p><i>Căn cứ Điểm 5, Khoản 2, Điều 1 QĐ 04/2022/QĐ-UBND ngày 09/3/2022 của UBND tỉnh Khánh Hòa - hỗ trợ toàn bộ diện tích vì công trình bị giải tỏa từ hai phần ba (2/3) diện tích xây dựng trở lên mà phần còn lại có diện tích xây dựng nhỏ hơn 36m²</i></p> <p><i>Áp giá PL1, STT B4, đơn giá 1.078.134đ/m²</i></p> <p>- Tường xây gạch, bô trụ, cao 1,5m; dài 11,3m; móng 02 lớp đá chẻ</p>	m ²	47,50	309.524		100%	14.702.390			
				m ² XD	74,85	3.942.028		100%	295.060.773			
				m ²	5,28	309.524		100%	1.634.287			
				m ²	5,03	1.751.793		100%	8.811.519			
				m ²	2,16	309.524		100%	668.572			
				m ²	49,68	1.078.134		100%	53.561.697			
				md	11,30	934.812		100%	10.563.377			

STT	HỌ TÊN VÀ ĐỊA CHỈ (Nơi ở và nơi giải tỏa)	GIẤY TỜ NGUỒN GỐC NHÀ ĐẤT	NỘI DUNG BỒI THƯỜNG, HỖ TRỢ	Đơn vị tính	Khối lượng BT, HT	Đơn giá (đồng)	Mức BT (%)	Mức HT (%)	THÀNH TIỀN (đồng)	TỔNG TIỀN (đồng)	KÝ NHẬN	
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	
			Áp giá PL1, STT B9, đơn giá 861.578đ/md. Tăng 8,5% vì bổ trợ $861.578\text{đ/md} \times (100 + 8,5)\% = 934.812\text{đ/md}$									
			2 - Tài sản khác:						0			
			Áp dụng QĐ số 14/2017/QĐ-UBND ngày 14/9/2017 của UBND tỉnh Khánh Hòa;									
			- Công tơ điện 1 pha (Bồi thường chi phí lắp đặt sau công tơ điện 1 pha)	TH	2	Không bồi thường vì giải tỏa một phần không phải di chuyển chỗ ở						
			- Đồng hồ nước	TH	2							
			3 - Cây trồng: Không có						0			
			III/ Bồi thường chi phí di chuyển tài sản:						0			
			Không bồi thường theo quy định tại Điểm b, Khoản 1, Điều 14, QĐ số 10/2021/QĐ-UBND ngày 26/8/2021 của UBND tỉnh Khánh Hòa									
			IV/ Chính sách hỗ trợ:						0			
			1- Hỗ trợ ổn định đời sống:			Không hỗ trợ theo quy định tại Khoản 4, Điều 1 QĐ số 04/2022/QĐ-UBND ngày 09/3/2022 của UBND tỉnh Khánh Hòa						
			2- Hỗ trợ tiền thuê nhà:									
			3- Hỗ trợ di chuyển:									
			* Tổng số tiền bồi thường, hỗ trợ (I+II+III+IV)						813.918.978			
			V/ Phần khen thưởng						11.000.000			
			Căn cứ Điểm b, Khoản 1, Điều 35 QĐ số 10/2021/QĐ- UBND ngày 26/8/2021 của UBND tỉnh Khánh Hòa									
			- Xét khen thưởng: được thưởng 10% tổng giá trị bồi thường, hỗ trợ mức thưởng thấp nhất không dưới một (01) triệu đồng và cao nhất không quá tám (08) triệu đồng; Chỉ chi trả tiền khi hộ gia đình, cá nhân chấp hành tốt quyết định thu hồi đất, giao mặt bằng trong thời gian quy định.	hộ	1	8.000.000			8.000.000			
			- Trường hợp theo yêu cầu phải bàn giao mặt bằng cho dự án trước thời hạn (khi chưa nhận tiền hoặc chưa nhận đất tái định cư) thì ngoài khoản thưởng trên còn được thưởng động viên ba (03) triệu đồng/hộ	hộ	1	3.000.000			3.000.000			
			*Tổng số tiền bồi thường, hỗ trợ và khen thưởng: (I + II + III + IV + V)							824.918.978		
			VI. Tái định cư									
			Hộ gia đình không đủ điều kiện bố trí tái định cư theo quy định.									

STT	HỌ TÊN VÀ ĐỊA CHỈ (Nơi ở và nơi giải tòa)	GIẤY TỜ NGUỒN GỐC NHÀ ĐẤT	NỘI DUNG BỒI THƯỜNG, HỒ TRỢ	Đơn vị tính	Khối lượng BT, HT	Đơn giá (đồng)	Mức BT (%)	Mức HT (%)	THÀNH TIỀN (đồng)	TỔNG TIỀN (đồng)	KÝ NHẬN	
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	
		<p>được trên đất thực tế đang sử dụng khác với địa chỉ thể hiện trên giấy tờ:</p> <p>- Địa chỉ thửa đất theo giấy tờ: Số 131/124 đường 2/4, phường Vạn Thắng, thành phố Nha Trang.</p> <p>- Địa chỉ thửa đất thực tế đang sử dụng: Số 131/124 đường 2/4, phường Vạn Thắng, thành phố Nha Trang. (Hai địa chỉ nêu trên thực tế là cùng một thửa đất).</p> <p>*Các loại giấy tờ, tài liệu, người làm chứng làm căn cứ xác nhận các nội dung trên:</p> <p>- Giấy phân chia vườn cây ăn quả của ông Nguyễn Hồ và bà Phan Thị Yết cho các con, phần ông Nguyễn Hồ sử dụng 317,05m² (phần số 11) có xác nhận của UBND phường Vạn Thắng ngày 14/01/1992.</p> <p>- Sơ đồ vị trí khu đất của ông Nguyễn Hồ lập phân chia cho các con, được UBND phường Vạn Thắng xác nhận ngày 10/4/2002.</p> <p>- Biên bản xác định độ rộng hẻm ngày 09/6/2022 (thửa đất tiếp giáp đường rộng dưới 2,0m (ngõ hẻm đường 2/4) tương ứng vị trí 5 đường 2/4)</p> <p>- Biên bản họp HĐBT ngày 08/8/2022 (STT 05)</p> <p>- Thông báo số 194/TB-HĐBT ngày 30/8/2022 của Hội đồng BT, HT, TĐC</p> <p>- Biên bản niêm yết ngày 05/9/2022</p> <p>- Biên bản kết thúc niêm yết ngày 26/9/2022</p>	+ Móng xây 02 lớp đá chèn. (0,4m x 0,2m x 1,9m) = 0,15m ³	m ³	0,15	2.210.809		100%	336.043			
				<i>Áp giá PLI, STT B30, đơn giá 2.210.809đ/m³</i>								
				- Móng đá chèn không chít mạch 02 lớp, dài 4,5m. (0,4m x 0,2m x 4,5m) = 0,36m ³	m ³	0,36	2.210.809		100%	795.891		
				<i>Áp giá PLI, STT B30, đơn giá 2.210.809đ/m³</i>								
				- Nền xi măng có bê tông lót 119,14 m ² (kèm sơ họa - kích thước do Trung tâm Phát Triển Quy Đất Khánh Hòa lập ngày 14/10/2022)	m ²	119,14	168.630		100%	20.090.578		
				<i>Áp giá PLI, STT B17, đơn giá 168.630đ/md.</i>								
				*Tài sản hộ ông Nguyễn Văn Tin								
				- Nhà cột kèo sắt, vách tole, mái tole, không trần, nền xi măng, cửa nhôm kéo dài loan. Không có hệ vệ sinh DTXD = DTGT = 7,5m x 4,3m = 32,25m ² XD	m ² XD	32,25	2.032.934		100%	65.562.125		
				<i>Áp giá PLI, STT A3, ĐG: 1.873.672đ/m²XD. Đơn giá tăng 8,5% vì cột kèo sắt</i> <i>1.873.672đ/m²XD x (100 + 8,5)% = 2.032.934đ/m²XD</i>								
				- Sân xi măng có bê tông lót. 10,05 m ²	m ²	10,05	168.630		100%	1.694.732		
				<i>Áp giá PLI, STT B17, đơn giá 168.630đ/md.</i>								
				*Tài sản hộ ông Đoàn Hữu Phong								
				- Nhà cột kèo sắt, vách tole, mái tole, không trần, nền xi măng, cửa sắt kính, có hệ thống điện. DTXD = DTGT = 7,5m x 5,0m = 37,5m ² XD	m ² XD	37,50	2.032.934		100%	76.235.030		
				<i>Áp giá PLI, STT A3, ĐG: 1.873.672đ/m²XD. Đơn giá tăng 8,5% vì cột kèo sắt</i> <i>1.873.672đ/m²XD x (100 + 8,5)% = 2.032.934đ/m²XD</i>								
				- Sân xi măng có bê tông lót. 7,78m ²	m ²	7,78	168.630		100%	1.311.941		
			<i>Áp giá PLI, STT B17, đơn giá 168.630đ/md.</i>									
			2 - Tài sản khác: Không có							0		
			3 - Cây trồng:						15.750.000			
			<i>Áp dụng Quyết định số 2179/QĐ-UBND ngày 05/8/2022 của UBND tỉnh Khánh Hòa;</i>									
			- Sa kê loại A: 01 cây	cây	1	540.000			540.000			
			- Bưởi loại A: 02 cây	cây	2	695.000			1.390.000			
			- Xoài hạt loại A: 02 cây	cây	2	6.640.000			13.280.000			
			- Dừa bung loại A: 01 cây	cây	1	540.000			540.000			
			III/ Bồi thường chi phí di chuyển tài sản:							0		

STT	HỌ TÊN VÀ ĐỊA CHỈ (Nơi ở và nơi giải tỏa)	GIẤY TỜ NGUỒN GỐC NHÀ ĐẤT	NỘI DUNG BỒI THƯỜNG, HỖ TRỢ	Đơn vị tính	Khối lượng BT, HT	Đơn giá (đồng)	Mức BT (%)	Mức HT (%)	THÀNH TIỀN (đồng)	TỔNG TIỀN (đồng)	KÝ NHẬN
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12
			<i>Không bồi thường theo hướng dẫn tại Văn bản số 1907/STNMT-CCQLĐĐ của Sở Tài nguyên và Môi trường Khánh Hòa</i>								
			IV/ Chính sách hỗ trợ:								
			1- Hỗ trợ ổn định đời sống:								
			2- Hỗ trợ tiền thuê nhà:								
			3- Hỗ trợ di chuyển:								
			* Tổng số tiền bồi thường, hỗ trợ (I+II+III+IV)						356.266.709		
			V/ Phần khen thưởng								
			* Tổng số tiền bồi thường, hỗ trợ và khen thưởng: (I + II + III + IV + V)							356.266.709	
			VI. Tái định cư								
			Hộ gia đình không đủ điều kiện bố trí tái định cư theo quy định.								

STT	HỌ TÊN VÀ ĐỊA CHỈ (Nơi ở và nơi giải tỏa)	GIẤY TỜ NGUỒN GỐC NHÀ ĐẤT	NỘI DUNG BỒI THƯỜNG, HỖ TRỢ	Đơn vị tính	Khối lượng BT, HT	Đơn giá (đồng)	Mức BT (%)	Mức HT (%)	THÀNH TIỀN (đồng)	TỔNG TIỀN (đồng)	KỶ NHẬN
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12
01.3	<p>Ông Nguyễn Hồ (chết) Bà Phan Thị Yết (chết) Bà Nguyễn Thị Khanh (Đại diện đứng tên kê khai)</p> <p>- Địa chỉ thửa đất thu hồi: Số 131/124 đường 2/4, Vạn Thắng, TP Nha Trang.</p>	<p>***Giấy xác nhận về thửa đất bị thu hồi để phục vụ cho công tác bồi thường, hỗ trợ, tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất số 20/XN-UBND ngày 10/01/2021 của UBND phường Vạn Thắng xác nhận:</p> <p>* Về nguồn gốc đất: <i>Thửa đất số 09 (Tổng diện tích: 536,9m²; DT giải tỏa: 536,9m²), tờ số 08 – Tương ứng thửa số 01 tờ BĐ ĐC số 02 phường Vạn Thắng.</i></p> <p>- Nguồn gốc đất: Nguyên lô đất trước đây có nguồn gốc do ông Nguyễn Hồ và bà Phan Thị Yết tạo lập từ năm 1957 có diện tích là 5 sào. Đến tháng 01/1992, ông Nguyễn Hồ và bà Phan Thị Yết làm giấy phân chia vườn cây ăn quả cho các con có xác nhận của UBND phường Vạn Thắng ngày 14/01/1992. Năm 2002, ông Nguyễn Hồ lập lại sơ đồ vị trí thửa đất được UBND phường Vạn Thắng xác nhận ngày 10/4/2002 thể hiện phần diện tích 447,18m² (phần số 07) là của ông Nguyễn Hồ và bà Phan Thị Yết quản lý sử dụng. Hiện nay ông Hồ và bà Yết đều đã chết không để lại di chúc theo quy định. Diện tích đo đạc thực tế: 536,9m².</p> <p>- Thời điểm sử dụng đất: Năm 1957.</p> <p>- Thời điểm xây dựng nhà cửa, vật kiến trúc: Trên đất có 04 nhà tạm cấu trúc: Cột kèo sắt, vách tole, mái tole, nền XM, cửa sắt tole xây dựng năm 2018.</p> <p>- Tổng diện tích đất: 536,9m².</p> <p>- Khuôn viên, ranh giới thửa đất + Đông giáp: Tờ số 9. + Tây giáp: Thửa số 52. + Nam giáp: Đường bê tông. + Bắc giáp: Sông Cái.</p> <p>- Loại đất: Đất trồng cây lâu năm.</p> <p>*Quá trình sử dụng đất; nhà, vật kiến trúc xây dựng trên đất (nếu có): - Những thay đổi về diện tích đất, khuôn viên, ranh giới thửa đất: Có. - Những thay đổi về loại đất: Không. - Tình trạng nhà, đất: Không có hộ gia đình sinh sống tại thửa đất giải tỏa.</p> <p>*Tình hình tranh chấp đối với thửa đất: Tại thời điểm xác nhận nguồn gốc đất không có tranh chấp, khiếu nại.</p> <p>*Trường hợp diện tích đất thể hiện trên giấy tờ về quyền sử dụng đất có sự chênh lệch so với diện tích đất thực tế đang sử dụng: - Diện tích đất theo giấy tờ: 447,18m² (Theo sơ đồ năm 2002). - Diện tích đất thực tế đang sử dụng: 536,9m². - Diện tích đất chênh lệch tăng: 89,72m²</p>	<p>I/ Về đất:</p> <p>- Tổng diện tích (Thửa số 09 - Mảnh 8): m² 536,90</p> <p>+ DT đất thu hồi: m² 536,90</p> <p>+ DT đất còn lại: m² 0,00</p> <p>** Căn cứ pháp lý áp dụng: + Khoản 1, Điều 100 Luật Đất Đai năm 2013; + Quyết định số 2808/QĐ-UBND ngày 11/10/2022 của UBND tỉnh Khánh Hòa.</p> <p>- Diện tích đất được bồi thường: m² 447,18</p> <p>+ Bồi thường đất cây lâu năm: m² 447,18 660.000 100% 295.138.800</p> <p><i>Áp giá đường 2/4 (đoạn từ Trần Quý Cáp đến Nam Cầu Hà Ra) vị trí 5. Đơn giá: 660.000đ/m².</i></p> <p>- Diện tích đất không bồi thường: m² 89,72 <i>Không bồi thường vì lán sống</i></p> <p>II/ Tài sản gắn liền với đất:</p> <p>1- Công trình, vật kiến trúc:</p> <p>+ Ngày khóa sổ: Thông báo thu hồi đất số 1848/TB-UBND ngày 31/12/2020 của UBND TP Nha Trang</p> <p>** Bồi thường, hỗ trợ theo: + Khoản 4, Điều 1, QĐ số 565/QĐ-UBND ngày 23/02/2022 của UBND tỉnh Khánh Hòa; + Tiểu mục 33, mục 3.2.1.4, khoản 3.2, STT 3 Khung chính sách tái định cư được Chính phủ phê duyệt tại văn bản 1078/TTg-QHQT ngày 22/6/2016; + Mục 1.4, khoản I, Phụ lục 2 - Ma trận quyền lợi - Khung chính sách tái định cư.</p> <p>+ Áp dụng QĐ số 17/2021/QĐ-UBND ngày 25/11/2021 của UBND tỉnh Khánh Hòa;</p> <p>- Nhà cột kèo sắt, vách tole, mái tole, nền xi măng, cửa sắt tole. DTXD = DTGT = (7,0m x 5,1m) x 3 cái = 107,10m² XD</p> <p><i>Áp giá PL1, STT A3, ĐG: 1.873.672đ/m²XD. Đơn giá tăng 8,5% vì cột kèo sắt</i> <i>1.873.672đ/m²XD x (100 + 8,5)% = 2.032.934đ/m²XD</i></p> <p>- Nhà cột kèo sắt, tường xây gạch lũng cao 1,0m kết hợp vách tole, mái tole, nền xi măng, cửa sắt gỗ DTXD = DTGT = (3,0m x 3,3m) = 9,90m² XD</p> <p><i>Áp giá PL1, STT A3, ĐG: 1.873.672đ/m²XD. Đơn giá tăng 8,5% vì cột kèo sắt</i> <i>1.873.672đ/m²XD x (100 + 8,5)% = 2.032.934đ/m²XD</i></p>	<p>295.138.800</p> <p>257.264.637</p> <p>245.900.637</p> <p>217.727.244</p> <p>20.126.048</p>							

STT	HỌ TÊN VÀ ĐỊA CHỈ (Nơi ở và nơi giải tỏa)	GIẤY TỜ NGUỒN GỐC NHÀ ĐẤT	NỘI DUNG BỒI THƯỜNG, HỖ TRỢ	Đơn vị tính	Khối lượng BT, HT	Đơn giá (đồng)	Mức BT (%)	Mức HT (%)	THÀNH TIỀN (đồng)	TỔNG TIỀN (đồng)	KÝ NHẬN	
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	
		- Nguyên nhân tăng: Do lấn sông năm 2014. *Trường hợp địa chỉ thửa đất, nhà, vật kiến trúc xây dựng trên đất thực tế đang sử dụng khác với địa chỉ thể hiện trên giấy tờ: - Địa chỉ thửa đất theo giấy tờ: Số 131/124 đường 2/4, phường Vạn Thắng, thành phố Nha Trang. - Địa chỉ thửa đất thực tế đang sử dụng: Số 131/124 đường 2/4, phường Vạn Thắng, thành phố Nha Trang. (Hai địa chỉ nêu trên thực tế là cùng một thửa đất). *Các loại giấy tờ, tài liệu, người làm chứng làm căn cứ xác nhận các nội dung trên: - Tờ bán đất của ông, bà Phan Quý sang nhượng cho vợ chồng ông Nguyễn Hồ năm 1957. - Giấy phân chia vườn cây ăn quả của ông Nguyễn Hồ và bà Phan Thị Yết cho các con có xác nhận của UBND phường Vạn Thắng ngày 14/01/1992. - Sơ đồ vị trí khu đất của ông Nguyễn Hồ lập phân chia cho các con, được UBND phường Vạn Thắng xác nhận ngày 10/4/2002. - Biên bản xác định độ rộng hẻm ngày 09/6/2022 (thửa đất tiếp giáp đường rộng dưới 2,0m (ngõ hẻm đường 2/4) - tương ứng vị trí 5 đường 2/4) - Biên bản họp HĐBT ngày 08/8/2022 (STT 06) - Thông báo số 194/TB-HĐBT ngày 30/8/2022 của Hội đồng BT, HT, TĐC - Biên bản niêm yết ngày 05/9/2022 - Biên bản kết thúc niêm yết ngày 26/9/2022	- Móng đá chèn 7 lớp, dài 13,0m. (7 x 0,2m x 0,2m x 13,0m) = 3,64m ³ <i>Áp giá PLI, STT B30, đơn giá 2.210.809đ/m³</i> 2 - Tài sản khác: <i>Áp dụng QĐ số 14/2017/QĐ-UBND ngày 14/9/2017 của UBND tỉnh Khánh Hòa;</i> - Công tơ điện 1 pha (Bồi thường chi phí lắp đặt sau công tơ điện 1 pha) - Đồng hồ nước 3 - Cây trồng: <i>Áp dụng Quyết định số 2179/QĐ-UBND ngày 05/8/2022 của UBND tỉnh Khánh Hòa;</i> - Chùm ruột loại A: 02 cây - Ôi loại A: 01 cây - Mít loại A: 01 cây - Xoài hạt 3 – 5 năm: 01 cây (<i>áp giá 5 năm</i>) - Bàng loại A: 02 cây - Xâu đầu loại A: 03 cây (<i>áp giá bạch đàn năm 7 thời kỳ thu hoạch</i>) - Dừa nước loại A : 15 cây (<i>áp giá dừa cảnh</i>) - Dừa xiêm loại A: 03 cây - Dừa bung loại A: 02 cây - Nhàu loại A: 04 cây - Táo loại A: 01 cây - Bồ đề loại A: 02 cây - Xanh loại A: 03 cây III/ Bồi thường chi phí di chuyển tài sản: <i>Không bồi thường theo hướng dẫn tại Văn bản số 1907/STNMT-CCQLDD của Sở Tài nguyên và Môi trường Khánh Hòa</i> IV/ Chính sách hỗ trợ: 1- Hỗ trợ ổn định đời sống: 2- Hỗ trợ tiền thuê nhà: 3- Hỗ trợ di chuyển:	m ³	3,64	2.210.809		100%	8.047.345			
										0		
				TH	1	Không bồi thường vì giải tỏa một phần không phải di chuyển chỗ ở						
				TH	1							
									11.364.000			
				cây	2	133.000			266.000			
				cây	1	210.000			210.000			
				cây	1	590.000			590.000			
				cây	1	485.000			485.000			
				cây	2	180.000			360.000			
				cây	3	120.000			360.000			
				cây	15	180.000			2.700.000			
				cây	3	1.230.000			3.690.000			
				cây	2	540.000			1.080.000			
				cây	4	132.000			528.000			
				cây	1	345.000			345.000			
				cây	2	150.000			300.000			
				cây	3	150.000			450.000			
										0		
										0		
						Không hỗ trợ theo quy định tại Khoản 4, Điều 1 QĐ số 04/2022/QĐ-UBND ngày 09/3/2022 của UBND tỉnh Khánh Hòa						

STT	HỌ TÊN VÀ ĐỊA CHỈ (Nơi ở và nơi giải tỏa)	GIẤY TỜ NGUỒN GỐC NHÀ ĐẤT	NỘI DUNG BỒI THƯỜNG, HỖ TRỢ	Đơn vị tính	Khối lượng BT, HT	Đơn giá (đồng)	Mức BT (%)	Mức HT (%)	THÀNH TIỀN (đồng)	TỔNG TIỀN (đồng)	KÝ NHẬN
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12
			* Tổng số tiền bồi thường, hỗ trợ (I+II+III+IV)						552.403.437		
			V/ Phần khen thưởng			Đã tính khen thưởng tại thửa 48 - Mảnh 8					
			* Tổng số tiền bồi thường, hỗ trợ và khen thưởng: (I + II + III + IV + V)							552.403.437	
			VI. Tái định cư								
			Hộ gia đình không đủ điều kiện bố trí tái định cư theo quy định.								

